

Bản án số: 77/2017/HSST
Ngày 24 tháng 11 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH VĨNH PHÚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Ông Trương Trung Văn.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang, cán bộ Toà án nhân dân huyện L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Công Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2017/HSST ngày 13 tháng 11 năm 2017, đối với các bị cáo:

Phạm Văn H, sinh ngày 17/10/1990

Nơi cư trú: Thôn D, xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; bố đẻ: Phạm Văn D, sinh năm 1965; mẹ đẻ: Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1965; vợ: Bùi Thị Ng, sinh năm 1990; con: có 01 con 05 tuổi. Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba.

Tiền án, tiền sự: Không.

Tiền sử: Năm 2008 Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “ Trộm cắp tài sản”. H đã chấp hành xong quyết định của bản án và đến nay đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2017 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

Nguyễn Mạnh N (tên gọi khác Nguyễn Văn N), sinh ngày 27/10/1991

Nơi cư trú: Thôn Th, xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; bố đẻ: Nguyễn Đình Th, sinh năm 1964; mẹ đẻ: Lương Thị L, sinh năm 1962; vợ, con: Chưa có. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án: 01 tiền án:

Năm 2014 Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 30 tháng tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 02/10/2016 và đến nay chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2017 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

Nguyễn Văn Thúc, sinh ngày 05/9/1988

Nơi cư trú: Thôn D, xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 09/12; bố đẻ: Nguyễn Văn D, sinh năm 1959; mẹ đẻ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1990 (đã ly hôn); con: có 01 con 08 tuổi. Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2017 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn dân sự: Công ty điện lực Vĩnh Phúc

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc H Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Th- Giám đốc điện lực Lập Thạch (vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1975(vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1976 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Ph, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Anh Nguyễn Quốc Á, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Th, xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN THẤY

Bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Mạnh N, Nguyễn Văn Th bị Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố về hành vi phạm tội như sau: Trong thời gian các ngày 11 và ngày 18/9/2017 Phạm Văn H, Nguyễn Mạnh N, Nguyễn Văn Th đã thực hiện 03 lần trộm cắp dây cáp điện hạ thế của Công ty điện lực Vĩnh Phúc tại khu vực xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 11h ngày 11/9/2017, Phạm Văn H gọi điện thoại cho Nguyễn Văn Th ở cùng thôn D, xã D, huyện T rủ Thúc đi trộm cắp dây cáp điện bán lấy tiền tiêu xài (vì trước đây H có đi kéo dây điện thuê trên địa bàn xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc nên biết có đường dây hạ thế không hoạt động), Th đồng ý. H mặc bộ quần áo màu vàng của thợ điện, mang theo 01 ba lô bên trong có kìm cộng lực, kìm điện, dây đai bảo hộ và điều khiển xe mô tô loại xe Angel không có biển kiểm soát (đăng ký xe

số 0033202 thể hiện BKS: 88F7- 2966 mang tên Phạm Văn D) đón Th tại nhà. Sau đó, H chở Th đi đến khu vực thôn N, xã T, huyện . Tại đây, H trèo lên các cột điện 31A- TD3, 33A-TD3, 34A- TD3, 40A- TD3 rồi dùng kim cộng lực cắt trộm 04 dây cáp điện loại PVC AL 50mm² với tổng chiều dài là 1.162,5m (dây đang ngừng hoạt động) thuộc trạm biến áp T 3 do Điện lực L quản lý, còn Th dưới thu cuộn dây. Sau khi trộm cắp được H và Th mang số dây điện đến bán cho cửa hàng thu mua phế liệu nhà anh Hoàng Văn Long ở thôn H, xã Đ, huyện L với tổng trọng lượng 232,5kg thành tiền là 4.800.000đ, H chia cho Th 2.000.000đ và Th đã dùng số tiền 1.500.000đ để mua 01 xe mô tô BKS: 88F1- 7422 của một người không biết tên, địa chỉ cụ thể để dùng làm phương tiện đi lại, số tiền còn lại H và Th đã tiêu xài cá nhân hết.

Cơ quan điều tra Công an huyện L quyết định trưng cầu định giá, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L có văn bản số 133/KL- HĐĐG ngày 19/9/2017 kết luận: Trị giá số dây cáp điện H và Th trộm cắp là 12.787.500đ.

Lần 2: Khoảng 12h ngày 18/9/2017, Phạm Văn H đi xe mô tô loại xe Angel không có biển số đến nhà Nguyễn Mạnh N ở thôn Th, xã D rủ đi trộm cắp dây điện bán lấy tiền tiêu xài. N đồng ý. H mặc bộ quần áo màu vàng và đội mũ thợ điện điều khiển xe mô tô chở N cầm theo một ba lô bên trong có kim cộng lực, kim điện, dây đai bảo hộ và đi đến khu vực thôn Kh, xã T, huyện L. Tại đây, H trèo lên các cột điện từ 28B- TD3 đến 30B- TD3 thuộc trạm biến áp T 3 do Điện lực L quản lý và dùng kim cộng lực cắt toàn bộ 04 sợi dây cáp điện loại PVC AL 50mm² (AV 50) với tổng chiều dài là 325m, còn N đứng dưới thu dây. Sau đó, H và N chở số dây điện trộm cắp được mang đến bán cho cửa hàng thu mua phế liệu của chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1976 ở thôn Ph, xã A, huyện T với tổng trọng lượng 65kg, thành tiền là 1.230.000đ. Được tiền, H chia cho N 500.000đ và N tiêu xài cá nhân hết 454.000đ, còn lại 46.000đ; H lấy 730.000đ và đã tiêu xài cá nhân hết 600.000đ, còn lại 130.000đ.

Lần 3: Khoảng 15h ngày 18/9/2017, H và N tiếp tục đi đến vị trí trước đó đã cắt trộm dây cáp điện tại khu vực thôn Kh, xã T, huyện L để trộm cắp dây cáp điện. Lúc này, H vẫn mặc bộ quần áo thợ điện, H đưa cho N mặc 01 chiếc quần và đội 01 chiếc mũ thợ điện, N đi đến nhà anh Nguyễn Quốc Á, sinh năm 1979 ở cùng thôn mượn 01 chiếc xe ba gác (xe cải tiến) để nhằm chở dây cáp điện trộm cắp được. H chở nam vẫn bằng xe loại Angel không biển kiểm soát đến khu vực thôn Kh, xã T cắt trộm 04 dây điện ở 04 khoảng cột điện từ 31B-TD3 đến 34B- TD3 với tổng chiều dài là 550m dây, còn N ở dưới thu dây. Khi cả hai đang trộm cắp dây cáp điện thì bị lực lượng Công an huyện L phát hiện bắt quả tang, thu giữ 110kg dây cáp điện loại PVC AL 50mm² và toàn bộ vật chứng liên quan đến vụ án.

Cơ quan điều tra Công an huyện L quyết định trưng cầu định giá, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L có văn bản số 134/KL- HĐĐG ngày 19/9/2017 kết luận: Trị giá số dây cáp điện H và N trộm cắp là 9.625.000đ (trong đó lần 1 trị giá 3.575.000đ; lần 2 trị giá 6.050.000đ).

Cáo trạng số: 81/KSĐT-TA ngày 13 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố Phạm Văn H, Nguyễn Mạnh N, Nguyễn Văn Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L luận tội đối với từng bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 24 đến 27 tháng tù, Nguyễn Mạnh N từ 24 đến 27 tháng tù, Nguyễn Văn Th từ 18 đến 21 tháng tù và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo H, bị cáo N, bị cáo Th đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Mạnh N, Nguyễn Văn Th khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các bị cáo thừa nhận: trong hai ngày 11 và 18/9/2017 Phạm Văn H đã 03 lần cùng với Nguyễn Mạnh N và Nguyễn Văn Th có hành vi trộm cắp dây cáp điện hạ thế thuộc trạm biến áp T 3 của Công ty điện lực Vĩnh Phúc, tổng trị giá tài sản các bị cáo trộm cắp là 22.412.500đ:

Lần 1: Khoảng 11h ngày 11/9/2017, Phạm Văn H và Nguyễn Văn Th đi đến khu vực thôn N, xã T, huyện L trộm cắp 04 dây cáp điện loại PVC AL 50mm² trị giá 12.787.500đ thuộc trạm biến áp Tủ Du 3 do điện lực L quản lý, sau đó đem bán cho anh Hoàng Văn L được 4.800.000đ, Hùng và Thúc đã chia nhau tiêu xài hết số tiền này.

Lần 2: Khoảng 12h ngày 18/9/2017, Phạm Văn H và Nguyễn Mạnh N đi đến khu vực thôn Kh, xã T, huyện L trộm cắp 04 dây cáp điện loại PVC AL 50mm² trị giá 3.575.000đ thuộc trạm biến áp T 3 do điện lực L quản lý, sau đó đem bán cho chị Nguyễn Thị S được 1.230.000đ lấy tiền chia nhau.

Lần 3: Khoảng 15h cùng ngày 18/9/2017, Phạm Văn H và Nguyễn Mạnh N tiếp tục đi đến khu vực thôn Kh, xã T, huyện L trộm cắp 04 dây cáp điện loại PVC AL 50mm² trị giá 6.050.000đ thuộc trạm biến áp T 3 do điện lực L quản lý thì bị lực lượng Công an huyện L bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của các bị cáo, lời khai của nguyên đơn dân sự, người làm chứng, tang vật chứng đã thu hồi được, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Mạnh N, Nguyễn Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình

sự năm 1999. Điều luật quy định “Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Hành vi trộm cắp của các bị cáo là táo bạo, thực hiện giữa lúc ban ngày. Các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Vì vậy, phải đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe giáo dục, phòng ngừa chung.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét đến tính chất cũng như mức độ thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, vai trò của từng bị cáo thấy rằng:

Trong vụ án đồng phạm này, bị cáo Phạm Văn H có vai trò chủ mưu, chuẩn bị công cụ, phương tiện, rủ rê lôi kéo Nguyễn Mạnh N và Nguyễn Văn Th (trong đó Nguyễn Mạnh N đã cùng Phạm Văn H thực hiện hành vi trộm cắp 02 lần; Nguyễn Văn Th đã cùng Phạm Văn H thực hiện hành vi 01 lần) và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo H có vai trò chính, được xác định là bị cáo đầu vụ. Mặt khác bị cáo H còn có nhân thân xấu, bị cáo đã từng bị xử phạt về tội trộm cắp tài sản, tuy đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội. Bị cáo Th và bị cáo N khi được H rủ rê đi trộm cắp dây điện, Th và N đã đồng ý và cùng H thực hiện hành vi trộm cắp, nên Th và N có vai trò đồng phạm tích cực thực hiện tội phạm cùng H. Do vậy, bị cáo H phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo Th và bị cáo N.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy: Phạm Văn H 03 lần trộm cắp tài sản thuộc trường hợp “phạm tội nhiều lần”; Nguyễn Mạnh N có 01 tiền án, chưa được xóa án tích nay lại phạm tội với lỗi cố ý nên thuộc trường hợp “tái phạm” và bị cáo cùng bị cáo H 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thuộc trường hợp “phạm tội nhiều lần”. Do vậy, cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hùng và bị cáo N. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 quy định áp dụng hình phạt nhẹ hơn có lợi cho người phạm tội thì các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Mạnh N, Nguyễn Văn Th không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm i khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; tài sản trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho nguyên đơn dân sự. Ngoài ra, bị cáo Thức phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, các bị cáo H và N được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46

Bộ luật hình sự, bị cáo Th được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt khi lượng hình đối với các bị cáo. Xét thấy cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian cần thiết để cải tạo thành người có ích cho xã hội.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đến năm mươi triệu đồng”. Qua xem xét điều kiện, hoàn cảnh các bị cáo thấy rằng, các bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, không có tài sản, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với số dây cáp điện các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Mạnh N và Nguyễn Văn Th trộm cắp của Công ty điện lực Vĩnh Phúc với tổng trọng lượng là 407.5kg, ngày 10/11/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã ra Quyết định xử lý vật chứng, Cơ quan điều tra Công an huyện L trả lại cho Công ty điện lực Vĩnh Phúc đầy đủ. Đến nay, ông Nguyễn Văn Th đại diện của Công ty điện lực Vĩnh Phúc không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận.

Đối với anh Hoàng Văn L và chị Nguyễn Thị S là người đã mua số dây cáp điện do Phạm Văn H, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Mạnh N trộm cắp, nhưng anh L và chị S không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với anh Nguyễn Quốc Á là người đã cho Nguyễn Mạnh N mượn chiếc xe ba gác, anh Á không biết Nam dùng chiếc xe vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 4.800.000đ anh L đã đưa khi mua dây điện của bị cáo H và bị cáo Th, anh L yêu cầu hai bị cáo phải bồi thường số tiền này nên buộc bị cáo H và Th phải bồi thường trả lại cho anh L số tiền 4.800.000đ (Hùng bồi thường 2.800.000đ, Th bồi thường 2.000.000đ) là đúng theo quy định. Đối với số tiền 1.230.000đ chị S không yêu cầu bị cáo H và bị cáo N phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chiếc xe mô tô BKS:88F1- 7422 Nguyễn Văn Th đã dùng số tiền có được từ bản tài sản trộm cắp để mua. Tuy nhiên, anh Nguyễn Văn L yêu cầu Th phải bồi thường số tiền 2.000.000đ. Do vậy, cần trả lại cho Th chiếc xe này, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Chiếc điện thoại Nokia 1200, Th dùng liên lạc với H để phạm tội, Th khai đã bán cho người đi mua sắt vụn không biết tên, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không thu giữ để xử lý được.

Đối với chiếc xe mô tô loại Angel không có biển kiểm soát và đăng ký xe số 0033202 mang tên Phạm Văn D; 01 ba lô; 01 kim cộng lực; 01 kim điện, 01 dây đai bảo hộ, 01 điện thoại di động của Phạm Văn H đã dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước; 02 quần + 01 áo + 02 chiếc mũ màu vàng thợ điện của Phạm Văn H, 01 đôi ủng màu xanh của Nguyễn Mạnh N, những đồ vật này không

có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Số tiền 130.000đ thu giữ của bị cáo Hùng, đây là tiền thu lời bất chính do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền 600.000đ bán dây cáp điện cho chị Nguyễn Thị S, bị cáo H đã tiêu xài hết, chị S không yêu cầu H phải bồi thường, đây là số tiền thu lời bất chính nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

Chiếc điện thoại Nokia của Nguyễn Mạnh N không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo N nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Số tiền 46.000đ thu giữ của bị cáo N, đây là tiền thu lời bất chính do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; số tiền 454.000đ bán dây cáp điện cho chị Nguyễn Thị S, bị cáo N đã tiêu xài hết, chị S không yêu cầu N phải bồi thường, đây là tiền thu lời bất chính nên cần phải truy thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với chiếc xe cải tiến của anh Nguyễn Quốc Á, chiếc xe bò lôi + tám ván gỗ của anh Hoàng Văn L, hai anh không biết các bị cáo dùng tài sản này để chở tài sản phạm tội nên cần trả lại cho hai anh là hợp pháp.

Tại phiên tòa ông Th, anh L, anh Á đã được Tòa án triệu tập, nhưng vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng điều 191 BLTTHS xử vắng mặt.

Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Mạnh N, Nguyễn Văn Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo H, bị cáo Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Mạnh N, Nguyễn Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Phạm Văn H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 18/9/2017.

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Mạnh N (tức Nguyễn Văn N) 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 18/9/2017.

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn Th 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 18/9/2017.

Áp dụng khoản 2 Điều 41; khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự. Điều 76; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc Phạm Văn H phải bồi thường cho anh Hoàng Văn L số tiền 2.800.000đ; Nguyễn Văn Th phải bồi thường anh Hoàng Văn L số tiền 2.000.000đ.

- Xác nhận ngày 10/11/2017 Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty điện lực Vĩnh Phúc 407,5kg dây cáp điện điện loại PVC AL 50mm² là đúng chủ sở hữu.

Tịch thu tiêu hủy 02 quần + 01 áo + 02 chiếc mũ màu vàng thợ điện của Phạm Văn Hùng, 01 đôi ủng màu xanh của Nguyễn Mạnh N không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước chiếc xe mô tô loại Angel không có biển kiểm soát và đăng ký xe số 0033202 mang tên Phạm Văn D; 01 ba lô; 01 kìm cộng lực; 01 kìm điện, 01 dây đai bảo hộ, 01 điện thoại di động LVmobile của Phạm Văn H đã dùng vào việc phạm tội (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/11/2017)

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 130.000đ của Phạm Văn H; 46.000đ của Nguyễn Mạnh Nam.

Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 600.000đ của Phạm Văn H; 454.000đ của Nguyễn Mạnh N.

Trả lại cho anh Nguyễn Quốc Á 01 chiếc xe cải tiến; anh Hoàng Văn L 01 chiếc xe bò + 01 tấm ván gỗ (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/11/2017)

Trả lại Nguyễn Văn Th 01 chiếc xe mô tô BKS:88F1- 7422 cũ, trả lại Nguyễn Mạnh N 01 chiếc điện thoại Nokia (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/11/2017) nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Mạnh N, Nguyễn Văn Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000đ án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, anh L có đơn đề nghị thi hành án, nếu bị cáo H, bị cáo Th không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày giao

nhận bản án hoặc niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND L
- THA L
- Công an L
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc
- Bị cáo+ Bị hại
- Lưu HS+Vp

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Ngô Thị Minh Hiệp